



HAI CUỘC ĐỜI, MỘT HƯƠNG ĐI.

MX Kiều Công Cự

Tôi nhận được quyển sách của Giang Văn Nhân, có bút hiệu là Nguyên Thảo (**Chặng Đường Nói Tiếp**) vào lúc Đại Hội 20 của Võ Bị toàn thế giới được tổ chức tại Nam California, đang bắt đầu bước vào ngày Tiền Đại Hội (Thứ Sáu 24/6/2016). Trong lúc đó Nhân cũng đang bận bịu với Đại Hội của Binh Chủng Thủy Quân Lục Chiến tại thành phố Grand Rapid, thuộc tiểu bang Michigan, Hoa Kỳ. Thật ra nếu không có sự trùng hợp về thời gian thì chúng tôi cũng có thể tìm cách để gặp nhau. Bởi vì chúng tôi cùng xuất thân từ Khóa 22 Võ Bị và trình diện Lữ đoàn TQLC cùng một ngày (19/12/1967), được huấn luyện chuyên môn về Binh Chủng tại Trung Tâm Huấn Luyện Rừng Cấm, rất thích thú khi được mặc bộ đồ “áo hoa sóng biển” đầu tiên, sau đó 15 tân thiếu úy Đà Lạt tình nguyện về Binh Chủng TQLC được Phòng I của BTL/ Lữ Đoàn phân phối về 6 tiểu đoàn tác chiến. Sau khi trình diện Đại Tá Tham Mưu Trưởng Bùi Thế Lân, Giang Văn Nhân và Đào Duy Chàng về Tiểu đoàn 3/TQLC (sau này có tên là Sói Biển), còn tôi cùng 2 người bạn khác (Huỳnh Vinh Quang và Lê Văn Lệ) về Tiểu Đoàn 2 Trâu Điên. Chúng tôi đã chiến đấu liên tục từ

ngày đó cho đến ngày Nhân cùng toàn bộ sĩ quan thuộc Lữ Đoàn 147/TQLC bị bắt tại bãi biển Thuận An, Thừa Thiên ngày 27/3/1975, lúc đó Nhân là Trưởng Ban 3/TĐ5/TQLC (có tên là Hắc Long) và tôi cũng già từ vũ khí sau đó hơn một tháng trong ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản (30/4/1975) tại Căn cứ Sóng Thần (Dĩ An, Biên Hòa), lúc đó tôi là Trưởng Ban 3/TĐ2/TQLC, chỉ có điều là tôi không bị bắt tại mặt trận nhưng bị buộc buông súng đầu hàng, già từ chiến hữu trong một cõi lòng hoang mang và phiến muộn.

Một Hương Đi: Thì rõ ràng rồi, chúng tôi cùng phục vụ trong Quân Đội, chiến đấu cho một lý tưởng Tự Do, bảo vệ sự toàn vẹn cho một Miền Nam, chống lại chủ nghĩa cộng sản. Hương đi cũng là lý tưởng phục vụ. Còn **Hai Cuộc Đời:** Thì có những cái chung và những cái riêng, những cái giống nhau và những cái khác, dĩ nhiên rồi, bởi vì chúng tôi là hai cá thể chứ không phải là một. Tôi xin lần lượt kể lại sau đây.

Trước hết, xin được nói đôi điều về “tác phẩm đầu tay” của Nhân, có cái tựa sách là **“Chặng Đường Nói Tiếp”**, gồm 30 tiểu truyện ghép lại, vẽ nên toàn bộ cuộc đời chiến đấu lòng trong những trận đánh mà Nhân đã tham

Thủy Quân Lục Chiến

dự, ngoài 2 chuyện đầu và chuyện cuối nói về cuộc vượt biên đến Malaysia và Philippines (*Tìm Tự do và Chặng đường nối tiếp*). Còn lại là toàn bộ cuộc chiến đấu của Nhân và những người lính của Đại Đội Nhân được kể lại khá chi tiết, rõ ràng, chính xác và cảm động. Cho nên có thể coi đây là **những chặng đường** đã đi qua và được ghi lại. Còn chặng đường tiếp nối là những ngày sau cuộc chiến và một cuộc tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam trong hiện tại. Nhưng đó chỉ là ý kiến của tôi, còn Nhân thì khác và Nhân có quyền đặt tên cho đứa con đầu lòng của mình. Đó là điều đúng thôi.

Tôi nhớ vào khoảng trung tuần tháng 11 năm 1965, có những anh chàng “*bach diện thư sinh 100%*” trong đó có Nhân và tôi cùng trình diện ở Bộ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, trên đường Lê Văn Duyệt, Sài Gòn sau khi đã nạp đơn, đã đủ tiêu chuẩn về sức khỏe và thước tấc ở Tổng Y Viện Cộng Hòa. Nhân vừa kết thúc năm cuối trung học, còn tôi đã qua mấy năm ở phân khoa Khoa Học (MPC) và Luật Khoa thuộc viện Đại Học Sài Gòn. Chúng tôi cùng tình nguyện gia nhập Khóa 22 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Điều này có nghĩa là chúng tôi đã chọn lựa binh nghiệp là lý tưởng phục vụ suốt cuộc đời mình. Chúng tôi muốn làm những sĩ quan hiện dịch. Chúng tôi vẫn nghĩ Trường VBQGVN như một người mẹ, Binh Chủng TQLC như một người vợ, tôi rất yêu Mẹ và cũng rất quý Vợ mình (*Một ngày TQLC là một đời TQLC*).

Có thể chúng tôi cùng chuyến bay đáp xuống phi trường Liên Khương, Đà Lạt cùng ngày hay khác ngày, nhưng lúc đó chúng tôi chưa quen biết nhau. Rồi theo đủ thủ tục “hành xác nhập trường”, trong suốt 8 tuần lễ sơ khởi, chinh phục đỉnh Lâm Viên, gấn alpha tại Vũ Đình Trường và lần dạo chơi đầu tiên tại thành phố Đà Lạt. Chính thức là một sinh viên sĩ

quan nhưng vẫn bị đàn anh Khóa 21 chăm sóc và chỉ huy (*chỉ được đi cửa hông chứ không được đi cửa giữa*). Chúng tôi thi hành những lệnh lạc một cách nghiêm chỉnh và không bao giờ vượt quá giới hạn cho phép. Chúng tôi sống chung trong Đại Đội D. Mùa Quân Sự thì học chiến thuật, vũ khí, địa hình,..Mùa Văn Hóa thì học Toán, Anh Văn, Kỹ Thuật, Lãnh Đạo Chỉ Huy,..Ngày 3 bữa tập họp diễn hành trước sân cỏ Liên Đoàn rồi đi ăn tại Phạn xá, những điều kiện này làm chúng tôi dễ thân quen với nhau.

Chúng tôi bốn đứa gồm **Nguyễn Đức Dũng, Đặng Minh Học, Giang Văn Nhân và tôi**, sống với nhau tròn 2 năm quân trường, mặc dầu cuối năm thứ nhất, khi đàn anh (K21) ra trường và đàn em (K 23) vào trường, qua một biến cố lớn là Khóa 22 bị chia đôi: 173 SVSQ theo học 2 năm (gọi là 22A), còn 92 SVSQ theo học 4 năm (22B). Chúng tôi rất vui mừng là cả 4 đứa đều được theo học khóa 2 năm. Dũng và Nhân đều làm cán bộ huấn luyện cho đàn em K23, Học làm thủ kho đại đội, còn tôi vẫn ở trong ban phát thanh chương trình “**Tiếng Nói Của SVSQ Trường VBQGVN**”. Mỗi buổi chiều Thứ Sáu hằng tuần, Trung Úy Nguyễn Hồng Điền hướng dẫn Ban Phát Thanh ra thâu băng tại đài phát thanh Đà Lạt, đặt trong một căn phòng ở lầu 3 của khách sạn Du Park trên đường Yersin và được phát lại vào tối Thứ Bảy. Tôi phụ trách viết những bài bình luận và tường thuật những sinh hoạt hằng ngày của Liên Đoàn SVSQ (gồm K22 và K23).

Vì Học và tôi được miễn ứng chiến và trực gác nên hai đứa được ở chung trong một phòng ở lầu 3, để khỏi làm phiền ai hết. Đời sống có vẻ dễ chịu. Dũng có tánh tình đơn sơ, ít nói, khi tức giận thì hay đỏ mặt như con gái. Ra trường, Học chọn Binh Chủng Nhảy Dù, được điều động về TĐ5 rồi TĐ11 và đã tử trận trong cuộc hành quân triệt thoái tại thung lũng Dam-

bert (Kampuchia) vào tháng 3/1971. Nghe đầu Dũng cũng vừa hứa hôn với một cô bạn gái cùng xóm. Còn Học, không chọn được binh chủng BĐQ, nên đầu quân về SĐ/18BB. Và Học đã tử trận trong một cuộc phục kích và phản phục kích tại La Ngà, Long Khánh trong trận tấn công đợt 2 của VC trong dịp Tết Mậu Thân. Học chết ngày 16/5/1968, sau khi cưới vợ được hơn 5 tháng. Chỉ còn lại Nhân và tôi sống sót qua cuộc chiến, qua những ngày đói khổ nhục nhằn trong những nhà tù cs, rồi vượt biên, được định cư theo diện HO cho đến bây giờ. Chúng tôi thường nói đùa: cuộc đời của mình có 4 lần đi là Đi học, Đi lính, **Đi tù và Đi Mỹ**. Sự thật là như thế.

Đám cưới của Học xảy ra trong thời gian 15 ngày phép mãn khóa. Học phân công cho Nhân bên đảng trai, còn tôi, có lẽ xí trai hơn, nên nhận phần dọn dẹp và trang hoàng nhà cửa bên đảng gái. Âu cũng là “Duyên số do Trời”, nên sau đó tôi được lọt vào mắt xanh của một cô em vợ thứ tư của Học có cái tên thật đẹp là **Phan Thị Ngọc Tuyết**, đang học năm thứ nhất trường Sư Phạm Sài Gòn và chúng tôi đã **“theo nhau”** suốt 47 năm rồi, trong những ngày hạnh phúc cũng như những ngày khốn khổ, tù đày. Người ta thường nói, tôi với Học là “anh em cột chèo”. Học chèo lái, tôi chèo mũi, nghe cũng thích lắm, nhưng con thuyền đó vừa rời bến sông, được một đoạn thật ngắn thì Học bị một bàn tay định mệnh nào đó kéo đi vào vùng nước xoáy khiến con thuyền chao đảo một thời gian..Cũng may tôi còn đủ bản lĩnh để lèo lái một mình..

Còn Nhân thì sau ngày bị bắt ở cửa Tư Hiền, bị gán cho cái tên là “tù tàn binh” và qua các trại Tà Con, Cồn Thiên, Ái Tử, Bình Điền (**Bức tượng gỗ**) và nặng nề nhất là đi vét kinh Đô Lương, chặt rừng sông Mực ở Như Xuân, đào gốc, làm rẫy ở Nghĩa Đàn (**Lòng hồ sông Mực**) thuộc tỉnh Thanh Hóa với lời hứa hẹn:

“*Các anh đi giải phóng lòng hồ sông Mực, khi xong công tác, các anh sẽ trở về trong vinh quang*”. Đó là lời hứa hẹn vô cùng bản thủ và gian manh.

Cuối cùng Nhân ra tù năm 1982, với một chí quyết từ những ngày còn chiến đấu, giống như người bạn đồng khóa là Đoàn Văn Xường **là không bao giờ đội chung trời với bọn thú người cộng sản**, nên đã tìm mọi cách để thoát ra cái xã hội chủ nghĩa với nhiều độc ác và vô lương này:

“*Vượt biên lần thứ nhất, không thoát, bị bắt ở Rừng Sát, sau khi tàu vượt qua trạm Nhà Bè. Bị đưa về giam ở trại Phan Đăng Lưu, Chí Hòa, Đồng Phú,..một thời gian, rồi được thả. Phải thay họ đổi tên là Nguyễn Văn Châu, một nông dân ở xã Trường Tiền, Cái Răng, Cần Thơ, vùng đất mà Thảo nhớ rõ tên từng con rạch trong các cuộc hành quân sau Tết Mậu Thân (Chặng đường tiếp nối).*”.

Ra tù không dám về nhà, được người Mẹ gọi lên nhà một người bà con ở Madagui, cách Phụng Lâm hơn 10 cây số, một vùng đất nằm bên cạnh Quốc lộ 20 (Sài Gòn – Đà Lạt), trước đây là một họ đạo của người dân miền Bắc trốn chạy cs di cư vào Nam năm 1954. Người Mẹ tìm mọi cách để cho con ra đi lần thứ hai. Cuối cùng Nhân đã đến bến bờ Tự Do (Palau Bidong ngày 31/3/1986), đậu phồng vắn và đến vùng đất Tự Do (Hoa Kỳ). Nhân lập gia đình với cô gái vùng sông Hương núi Ngự (Lê Kim Thoa) và có 2 người con trai thật đẹp là Giang Vũ Martin và Giang Tuấn David. Hiện gia đình đang sống ở thành phố biển La Porte (Texas)

Tôi cũng nhớ trong thời gian gần đây cũng có hai tập bút ký của những người lính Mũ Xanh được phát hành. Một từ Arlington, Texas của Cựu Thiếu tá Phạm Văn Tiền có nhan đề **“Một Thời Lính Trận”**, xuất bản vào tháng 6/2014. và một của anh bạn cùng Khóa là Đoàn Văn

Thủy Quân Lục Chiến

Tịnh, có cái tựa là: **“Xưa Nay Chinh Chiến, Mấy Ai Về”**, Xuất bản vào khoảng tháng 10/2015 tại Atlanta, Georgia. Cả hai đều viết lại toàn bộ những trận chiến mà chúng tôi đều tham dự trong Binh Chủng TQLC. Còn tôi, với cuốn Hồi ký: **“Một Đời, Xin Ghi Lại”**, chỉ in ra 50 cuốn, thật đẹp, không bán mà chỉ gửi lại cho con cháu và những người thân thuộc.

Cả 4 quyển sách đều ghi những trận đánh khốc liệt và đẫm máu nhất trong cuộc chiến tranh ý thức hệ tại miền Nam VN như: Trận Tổng Công Kích Mậu Thân (1968) kéo dài qua 4 đợt cho đến năm 1969. Chiến trường Kampuchia (1970), Hành Quân Lam Sơn 719 (2/1971), Trận chiến trong mùa Phục sinh năm 1972 tại Quảng Trị (31/3/1972), những trận chiến sau ngày ngưng bắn (27/1/1973) nhưng bi thảm nhất là cuộc lui binh về Thuận An của Lữ Đoàn 147/TQLC (23/3/1975), mà tôi sẽ dành cho những trang sau để được nói nhiều hơn.

Tổng quát là như vậy, nội dung quyển sách của Nhân cũng ghi lại những chiến trận liên tục trong suốt cuộc đời binh nghiệp từ ngày ra trường (2/12/1967) đến ngày chấm dứt cuộc đời binh nghiệp tại cửa Tur Hiền, Thừa Thiên (27/3/1975).

Trận đánh đầu tiên của chúng tôi (baptism of fire) là trận tổng tấn công của và vào những ngày đầu của Tết Mậu thân (1968). Đối với tôi thì khá hấp dẫn nhưng với Nhân có vẻ mờ nhạt nên tôi không được nghe Nhân nhắc tới trong phần đầu quyển sách. Tuy nhiên cũng cần nhắc lại đây đôi chút được Nhân ghi lại trong Quân Sử của Binh Chủng TQLC:

“Sau hơn 3 tháng hành quân với chiến đoàn A/TQLC tại vùng Tam Quan, Bồng Sơn, Dương Liễu (biệt phái Quân đoàn II), đầu tháng 12/1967, TĐ3TQLC được không vận về hậu cứ tại Thủ Đức (Sài Gòn) để nghỉ dưỡng quân, bổ sung quân số và trang bị. Khoảng 10 ngày sau, TĐ3 nhận được lệnh biệt phái cho

Biệt Khu Thủ Đức, làm nhiệm vụ giữ an ninh vòng đai và là đơn vị ứng chiến số 1 cho Quân Đoàn III. TĐ đóng quân rải rác tại Vĩnh Lộc, Vĩnh Hạnh và Vĩnh Bình, ngăn chặn và xâm nhập vào Sài Gòn qua ngã Đức Hòa, Đức Huệ..Ngày mùng 6 Tết, TĐ3 tham dự những trận đánh ngay trên đường phố Sài Gòn tại khu Chợ Thiếc (đường Trần Nhân Tôn) và đường Nguyễn Thông, Hoàng Đạo, đến tận ga Hòa Hưng. Nhưng trận đánh lẫy lừng nhất của TĐ3 là tại cầu Bình Lợi. Đêm trước và đã kéo về phía sau hãng sơn Bạch Tuyết. Địa thế vùng này đầy lau sậy và đầm lầy, hơn nữa dân chúng còn ở lại trong vùng nên việc sử dụng hỏa lực gặp khó khăn, và lại dùng lối bắn sể để làm chậm cuộc tiến quân của ta. Đ/Úy Vũ Mạnh Hùng ĐĐT/ĐĐ2 đã tử thương khi Anh tiến lên yêu cầu M41 không bắn vào nhà dân. Th/Tá Nguyễn Năng Bảo (TĐT) vừa buồn rầu vừa tức giận đã ra lệnh cho cả 3ĐĐ đồng loạt hàng ngang tấn công vào mục tiêu kẻ cả đại bác trên xe M41. Mục tiêu đã bị san bằng. Đa số và bỏ xác tại chỗ chỉ còn một số ít lợi dụng bóng đêm chạy về hướng Gò Vấp. (Tuyển Tập 2/TQLC), chắc chắn trận này Nhân có tham dự.

Còn TĐ/2, biệt phái cho SĐ/7BB, đang hành quân tại vùng Giáo Đức, vừa trải qua trận hưu chiến (31/12/1967) trên Kinh Cái Thia, cùng với Chiến Đoàn B/TQLC được không vận bằng Chinook CH47 đổ ngay trên sân cỏ của Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Đêm đó Trung Đội 42 của tôi được lệnh trấn giữ ngay cổng chính. Một đêm không ngủ, nằm chờ giặc, nhớ đời.

Sáng hôm sau, lửa và ra khỏi trường Sinh Ngũ, trường Tổng Quản Trị ra đến cổng số 6 Phú Nhuận, sau đó biệt phái dài dài cho Tổng Nha Cảnh Sát mà Chuẩn Tướng Nguyễn Ngọc Loan làm Tư Lệnh. “Tác phẩm” đầu tay của tôi là bắt sống tên đại úy đặc công và tên Nguyễn Văn Lém tự Bảy Lốp, tại ngã tư Nguyễn Duy

Dương – Bà Hạt, ngay phía sau chùa Ấn Quang, một hang ổ của vc trên đường Sư Vạn Hạnh. Tên Bảy Lốp này đã bị Tướng Loan bắn chết tại đường Minh Mạng. Một phóng viên hãng AP tên Eddie Adams chụp được. Chính cái vụ này mà Tướng Loan bị phiền hà không ít.

Những ngày sau đó TĐ3 của Nhân đã tạo được **Chiến thắng đầu Xuân** trong cuộc hành quân giải phóng U Minh (12/1968) do SĐ21BB tổ chức, và liên tiếp những cuộc hành quân trực thăng vận vào Tổng Lê Chân, Lộc Ninh, An Lộc, Tây Ninh, phối hợp với Lực Lượng Ky Binh Hoa Kỳ khám phá và tịch thu nhiều kho vũ khí lớn gồm các loại hỏa tiễn 240, 122, 107 ly và nhiều súng cộng đồng và cá nhân. Những cuộc hành quân này được Nhân ghi lại rất rõ ràng và chi tiết, kể cả những ngày tháng rất chính xác. Vì Nhân có một thói quen độc đáo là viết nhật ký hằng ngày. Đó là những hoạt động trong tháng 3/1969 của TĐ3.

Tiếp đến là **Chiến trường Cao Miên** xảy ra sau ngày Tướng Lon Nol và Hoàng Thân Sisovath Sirit Matak lật đổ Quốc Trưởng thân cộng Norodom Sihanouk (18/3/1970). SĐ/TQLC lần lượt tham dự với các Lữ Đoàn 258, 147 và 369. TĐ2 và TĐ3 tham chiến cùng với LĐ147. TĐ3 bảo vệ BCH/LĐ và mở những cuộc hành quân trong vùng Neak Luong. Còn TĐ2 tái chiếm tỉnh lỵ Prey Veng và hành quân các vùng Đông Bắc của Thủ Đô Pnom Penh. Lúc này cả Nhân và tôi đều vũng vằng trong chức vụ đại đội trưởng tác chiến của Binh Chung TQLC.

Từ chiến trường Campuchia, các đơn vị TQLC được không vận, tăng phái cho Quân Đoàn I và tham dự cuộc **Hành Quân Lam Sơn 719 Hạ Lào**. Trong phần này, Nhân đã ghi rất rõ về ngày tháng và những phóng đồ hành quân. Từ ngày khởi động cuộc chiến (8/2/1971) khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho cho các đơn vị SĐ/ND, SĐ/IBB, Lữ

Đoàn I Ky Binh cùng Liên Đoàn I BĐQ...đồng loạt vượt biên giới Lào tiến thẳng vào những căn cứ địch đặt sâu trong lãnh thổ Lào mà mục tiêu xa nhất là thị trấn Tchepone. SĐ/TQLC là đơn vị trừ bị cho cuộc hành quân này, chỉ được lệnh đổ quân vào trong giai đoạn quyết liệt nhất (3/3/1971) với Lữ Đoàn 147 tại căn cứ Delta và Lữ Đoàn 258 tại căn cứ Hotel. Hai LĐ/TQLC là những đơn vị chặn hậu và rời khỏi vùng hành quân sau cùng cũng là ngày kết thúc cuộc hành quân (25/3/1971). Tôi bị thương khá nặng và phải rời khỏi vùng chiến trận cùng với Bùi Ngọc Dũng (K.22B **đã chết**), Lê Tấn Phương (K.22B) bị bắt sống. Còn Nhân và hai người bạn cùng khóa là Nguyễn Kim Chung và Vàng Huy Liễu (22B) thì điều động ĐĐ tiến về phía Tây để đón quân bạn (LĐ/147).

Nhân đã tường thuật lại cuộc hành quân rất đầy đủ chi tiết, kể cả những phóng đồ hành quân, lời văn thật mạch lạc và khúc chiết.

Nhưng phải đợi đến cuộc chiến trong mùa Phục Sinh năm 1972 (31/3/1972) tại Quảng Trị với những bài: **Vùng Hỏa Tuyến**, Đông Hà, Ấp Đại Phú, Thôn Phước Điền, Dựng Cờ ..Nhân đã kể lại toàn bộ của cuộc chiến một cách đầy đủ, chi tiết và chính xác theo từng ngày tháng. Tôi nghĩ những người viết Quân Sử của TQLC cũng nên dựa phần nào vào những ngày tháng này đã được ghi lại hằng ngày trong nhật ký của Nhân. Hai trận đánh lẫy lừng nhất của Nhân phải được kể đến trận Đông Hà (1/4/71) và **Dựng Cờ Trên Cổ Thành Đình Công Tráng (15/9/1972)**. Đó là 2 trận đánh đẹp nhất trong cuộc đời binh nghiệp của Nhân. Còn tôi thì sau 5 tháng điều trị tại bệnh viện Lê Hữu Sanh (TQLC) và Tổng Y Viện Cộng Hòa, tôi được điều động về TĐ/9 tân lập có cái tên Mạnh Hổ, và tôi đã tham dự toàn bộ trận chiến năm 1972 tại Quảng Trị. Tôi không có những trận đề đời như Nhân, nhưng tôi được cái hân hạnh là đại đội chiếm mục tiêu đầu tiên

NHÂN & CỰ TẠI MẶT TRẬN QUẢNG TRỊ NĂM 1972



trong thành phố Quảng Trị (Trường Trung học Bồ Đề) và trận chiếm Đê Long Quang cũng là một tác phẩm. Sau trận chiến cũng như sau Hiệp Định Ngưng Bắn (27/1/1973), chúng tôi trở thành “*Địa Phương Quân*” tại tuyến đầu Quảng Trị, cho đến ngày chúng tôi được tham dự Khóa 5 Bộ Binh Cao Cấp tại Trường Bộ Binh Long Thành vào khoảng tháng 12/1974.

Ngày 8/3/1975, mãn khóa học, đa số các sĩ quan không được cấp phép mà phải trở về đơn vị gốc trong đó có 5 Sĩ quan TQLC. Tình hình chiến sự đã đến hồi khẩn trương. Ngày 13/12/1974, vc đã điều động Công Trường 3 và CT 7 cùng với xe tăng và đại pháo tấn công vào tỉnh lỵ Phước Long, cách Sài Gòn khoảng 110Km về hướng Đông Bắc. Mục tiêu của địch là đo lường phản ứng của Mỹ và khả năng tăng viện của QL/VNCH. Trước sự tấn công hung hãn của địch, hai quận lỵ Bồ Đức và Đức Phong đã bị tràn ngập. Quốc lộ 13 bị cắt đứt. Đến ngày 26/12/1974, quận lỵ Đôn Luân cuối cùng rơi vào tay giặc. Nhân nhận sự vụ

lệnh về làm Trưởng Ban 3/TĐ5, còn tôi giả từ TĐ9 để về lại TĐ2. Chúng tôi trình diện hậu cứ và trở lại vùng hành quân Quảng Trị vào ngày hôm sau.

Đến bây giờ thì giới lãnh đạo VNCH biết một điều là người bạn Đồng Minh Hoa Kỳ đã bỏ rơi chúng ta, nhất là sau khi TT Richard Nixon phải từ nhiệm sau vụ nghe lén ở khách sạn Watergate (8/8/1974). TT Gerald Ford lên thay, thấy mình không có trách nhiệm gì về “*cái tiền đồn chống cộng của Thế giới Tự do*” (Miền Nam VN) này nữa.

Đêm 10/3/1975, SĐ320 VC mở cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột. Các SĐ 968, 10 đã vượt sông Krok, Sre Pok tiến về Kontum và Pleiku. Tình thế thật khó khăn, ý định tái phối trí lực lượng hay co cụm phòng thủ đã hình thành trong chiến lược của TT Thiệu, nhưng cái chiến lược gì có thể thực hiện được khi người bảo trợ chính đã quay lưng, nếu không muốn nói là phó mặc. Còn nước còn tát, TT Thiệu nghĩ như vậy, chỉ tiếc thời gian thì không cho phép và lòng người thì đang giao động. TT Thiệu hay bất cứ người nào có thể làm được gì trong hoàn cảnh ấy.

Ngày 14/3/1975, trong cuộc họp tại Cam Ranh với 5 ông Tướng (Thiệu, Khiêm, Viên, Quang, Phú), TT Thiệu ra lệnh cho Tướng Phú:

-Rút bỏ Cao nguyên, về phòng thủ duyên hải.

Lệnh ban ra thật đơn giản và người thi hành lệnh cũng suy nghĩ thật đơn giản. Cấp trên gần như trút bỏ trách nhiệm cho thuộc cấp mà không nghĩ mình là người chịu trách nhiệm chính. Theo tôi nghĩ kế hoạch lui binh (cả một vùng chiến thuật) này phải được thảo hoạch từ cấp Bộ Tổng Tham Mưu và Đại Tướng Cao Văn Viên phải là người chủ thiết kế. Thế nhưng Ông Viên không có ý kiến, rồi ông Phú lại giao công việc ấy cho Đại Tá Phạm Duy Tất (Chỉ Huy Trưởng BĐQ Vùng II), sau khi TT Thiệu gán cho Đại Tá Tất một sao. Khi sự

thất bại xảy ra, dĩ nhiên, Tổng Thống lại dùng quyền hạn của cấp chỉ huy để kỷ luật thuộc cấp. Sự bắt giam Tướng Phú sau này nói lên sự sai lầm trong tư cách lãnh đạo của ông Thiệu. Bao nhiêu quân nhân và thường dân vô tội đã chết trên Liên Tỉnh lộ 7B là một cái tội. Và đó là sự kiện dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam. Ai sẽ là người chịu trách nhiệm chính đây? **Ai cũng biết người đó là ông Thiệu.**

Tại Vùng I Chiến Thuật, sau khi rút SĐ Dù về Nam, SĐ TQLC cũng được chia làm 2: Lữ Đoàn 147 trấn giữ Tuyến Sông Bồ, Quảng Trị. Ba Lữ đoàn còn lại: 258, 369 và 468 lập tuyến phòng thủ thành phố Đà Nẵng từ đèo Hải Vân đến sông Vu Già, giáp với SĐ/3BB. TĐ5 của Nhân phòng thủ trải dài theo áp Cổ Bi, theo bờ sông phía Nam của sông Bồ. Còn TĐ2 xuôi Nam,

Được trực thăng vận đồ xuống bám giữ ngọn đồi máu 1062, những dãy đồi trên Động Lâm, nhìn xuống quận lỵ Thường Đức đã bị VC chiếm từ tháng 4/1974. Lần này tôi trở về chiến đấu ngay trên quê hương (Đại Lộc, Quảng Nam) của mình.

Tướng Trưởng cũng được lệnh: **Rút bỏ vùng I Chiến thuật.**

Sự sai lầm được lập lại một lần nữa. Lệnh đưa ra không dứt khoát và thiếu kế hoạch hành quân triệt thoái nên gây ra nhiều hoang mang, hỗn loạn và tan nát. Trong lịch sử chiến tranh VN, người ta chưa bao giờ thấy được những cảnh thê thảm và tòi tệ như thời điểm này. Bao nhiêu người, cả dân và lính, đã chết trên biển và trên bộ. Đúng là các nhà lãnh đạo miền Nam đã rơi vào tình trạng hoảng loạn hay nói một cách khác là họ đã bị **tẩu hỏa nhập ma** mất rồi.

Ngày 22/3/75, Liên Đoàn 15 BĐQ bị áp lực nặng nề của các SĐ324B và SĐ325C phải rút bỏ tuyến phòng thủ Phú Lộc. Pháo 130 ly của cộng quân nã bừa bãi vào thành phố Huế. Người dân tiếp tục bỏ chạy. Những cảnh

thương tâm lại xảy ra.

Ngày 23/3/1975, LĐ147/TQLC gồm các TĐ3, 4, 5, 7 và TĐ/2PB được lệnh rút khỏi phòng tuyến phía Bắc, sau đó là Lữ Đoàn I Kỳ binh triệt thoái qua cầu An Lỗ, TĐ/130 ĐPQ đang bố trí trên phòng tuyến với TĐ/4TQLC cũng rút quân theo. Cuộc **Hành quân triệt thoái** là một bi thảm, một nỗi đau của Binh Chung đã được nhiều sĩ quan TQLC ghi lại từ một Thiếu Úy Trung đội trưởng của TĐ5 (Phan Văn Đông), Trung Úy Đại Đội Phó của TĐ4 (Cao Xuân Huy), Đại Úy Trưởng Ban 3 của TĐ/5 (Giang Văn Nhân), Y Sĩ Đại Úy Phạm Vũ Bằng (Lữ Đoàn 258), đến Thiếu Tá TĐT/TĐ5 (Phạm Văn Tiền), Thiếu Tá TĐT/TĐ/7 (Phạm Cang) và Đại Tá Tư Lệnh Phó SĐ/TQLC (Nguyễn Thành Trí). Tôi hy vọng chúng ta sẽ đọc được những bài viết kia trên những trang quân sử của QL/VNCH hay trên trang mạng của TQLC là **w.w.w. tqlc.org** hay tác phẩm **Tháng Ba Gãy Súng của Cao Xuân Huy** để hiểu rõ cuộc rút quân bi thảm đó.

Về phần TĐ tôi và những thành phần còn lại tại căn cứ Non Nước (Đà Nẵng) như BTL/SĐ, các LĐ258, 369 kể cả Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh QĐI tìm mọi cách vật lộn với những cơn sóng dữ để bơi ra tàu Hải Quân của Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, cách xa bờ khoảng 800m. Chỉ có LĐ468 từ đỉnh đèo Hải Vân đổ xuống làng cùi, ra tàu đầy đủ và an toàn. Đà Nẵng đã bị chiếm từ ngày 29/3/1975 và toàn bộ QĐI cũng bị bức tử trong ngày đó.

Những câu chuyện trong tác phẩm đầu tay của Nguyên Thảo- Giang Văn Nhân là những trang quân sử, những tâm tình của một cấp chỉ huy đối xử với đơn vị mình cũng như những người dân đáng thương của cái vùng chiến trận Quảng Trị. Tôi rất yêu những nhân vật có thật trong tác phẩm của Nhân như: Người Lính Tiền Phong (Hạ Sĩ I Nguyễn Văn Điềm), hình

Thủy Quân Lục Chiến

ảnh thật cảm động của Binh Nhất Long Hồng Ngọc và Bà Ngoại hiền lành dễ mến, Binh I Trần Văn Voi có tên là Paul, từ chối trở về Pháp quốc và ở lại đăng lính TQLC và chiến đấu cho Quê Mẹ VN, Thượng Sĩ I Võ Lách, đã ở TQLC từ khi Đ/Úy Lê Nguyên Khang thành lập TĐ3 (năm 1959), Hạ Sĩ Nguyễn Văn Đẹp, hiệu thính viên, những sĩ quan Trung Đội Trưởng như Th/Úy Nguyễn Văn San, Th/Úy Lê Văn Môn, Th/Úy Nguyễn Văn Nhái, Ch/Úy Khúc Thừa Thế...

Trong toàn bộ quyển sách của Nhân, những người lính trong Đại Đội 2 của anh được nhắc đến một cách thân ái. Chính những sĩ quan ở cấp nhỏ nhất và những hạ sĩ quan, những binh sĩ đó đã tạo nên nhiều chiến thắng hiển hách cho đơn vị. Chính họ đã viết nên những trang quân sử cho QL/VNCH, nhưng cũng chính họ là những người bị quên đi, bị mất mát và thiệt thòi nhất. Đối với Nhân, họ là những người đáng được nhắc đến và ghi công. Đã có những người nằm xuống, nhiều người đã nhạt nhòa trong dòng đời, hay vẫn còn lầy lắt trên quê hương khốn khổ, bị bạc đãi, bị coi khinh, nhưng tên tuổi của họ vẫn còn nằm trong những *Dòng Nhật Ký của Nhân* một cách trân trọng.

Xin cảm ơn Nhân đã cho mình sống lại cả một thời chiến trận. Một đời tận hiến cho quê hương Miền Nam, cho Binh Chung với một niềm tin vào Thiên Chúa và một lý tưởng Tự Do.

MX Kiều Công Cự

Ngậm Ngùi

THÁNG TƯ

Vi Vân.

Tháng Tư đen, nghe ngậm ngùi cay đắng
Giọt lệ sâu lặng lẽ thấm bờ môi
Quê hương ơi, mấy mươi năm xa vắng
Nỗi đau xưa nghẹn nghẹn chẳng nên lời.

Ta ra đi non sông còn ngóng đợi
Sẽ quay về trong khúc khải hoàn ca
Việt Nam ta một ngày trong đổi mới
Cờ vàng bay trên khắp cõi sơn hà.

Ta vẫn giữ một niềm tin cao cả
Giống Tiên Rồng kiêu hãnh đến nghìn sau
Khi ta đi một chiều vương nắng hạ
Buổi ta về rượu nóng chúc mừng nhau.

Tháng Tư đến đất trời như điên đảo
Nhớ hận xưa, thù mới ngất trời xanh
Bọn giặc Tàu dù hung hăng cường bạo
Có biết chẳng mộng ảo sẽ không thành.

Dân nước ta bốn nghìn năm ngạo nghễ
Đâu quên buồn thời chinh chiến xa xưa
Thương non sông bao tháng ngày máu lệ
Quê hương ơi, nhưng nhớ mấy cho vừa!